

a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	291	118	91	82	0	0
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21	0	0	21	0	0
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
7.	Thăm mý	312	118	91	103	0	0
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	310	118	89	103	0	0
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2	0	2	0	0	0
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
8.	Thể chất	312	118	91	103	0	0
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	312	118	91	103	0	0
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo năng lực (Dành cho học sinh lớp 4,5)						
1	Tự phục vụ, tự quản	296	0	0	0	124	172
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	275	0	0	0	107	168
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21	0	0	0	7	4
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2	Hợp tác	296	0	0	0	124	172
a	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	275	0	0	0	110	165
b	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	21	0	0	0	14	7
c	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
3	Tự học và tự giải quyết vấn đề	296	0	0	0	124	172
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	256	0	0	0	158	158
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	40	0	0	0	14	14
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo phẩm chất (Dành cho học sinh lớp 1,2,3)						
1.	Yêu nước	312	118	91	103	0	0
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	312	118	91	103	0	0
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
2.	Nhân ái	312	118	91	103	0	0
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	311	118	91	102	0	0